

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Đức Long;

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đinh Quốc Minh;

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngự.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Phương Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

*HKTT:* Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

*Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

*HKTT:* Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Tôi kết hôn với anh Hoàng Văn H năm 2000. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu. Khi kết hôn có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, chúng tôi về chung sống với nhau ở xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2019, nguyên nhân chính là do không hợp nhau về lối sống, quan điểm sống. Đến năm 2020 tôi đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Hoàng Thế L, sinh ngày 27/7/2001 (hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết) và cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 19/3/2007, hiện các con đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi cháu L và tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị T kết hôn với nhau năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn chúng tôi được tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn, chị Thu muốn ra ngoài làm ăn, tôi thì lại muốn vợ chồng ở nhà cùng nhau làm ăn để cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị Thu không nhất trí nên vợ chồng bắt đầu quan điểm. Chị T cố tình bỏ đi xuất khẩu lao động đến tháng 8 năm 2022 về nước nhưng không về nhà. Nay chị T có đơn xin ly hôn tôi, tôi không nhất trí. Vì tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T đã trình bày là đúng, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, tôi nhất trí để chị T nuôi cháu L theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án không có vi phạm. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 207, 227 và 228 BLTTDS 2015. Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật HN&GD chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H. Giao cháu Hoàng Thị L cho chị T nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị T và bị đơn là anh Hoàng Văn H, đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Anh Hoàng Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và 228 BLTTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, hai anh chị đã sống ly thân. Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả hai đều vắng mặt. Tại các buổi làm việc chị T cương quyết xin ly hôn anh H vì xác định tình cảm không còn nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình cho chị T ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Hoàng Thế L, sinh ngày 27/7/2001 (hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết) và cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 19/3/2007. Quá trình giải quyết cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 19/3/2007 có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do vậy, việc giao cháu Hoàng Thị L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, của chị T và anh H là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có.

[4] Về án phí: Cần buộc chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 207, 227 và 228 BLTTDS 2015. Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật HN&GD; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 19/3/2007 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng phí tổn nuôi con

chung đối với anh H, vì chị T không yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí: Buộc chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003446 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương).

Báo cho anh H, chị T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Động Đạt;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lương Đức Long**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**TÒA**

**Lương Đức Long**









